

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN NHẬN XÉT**

**của thành viên Đoàn kiểm tra/Tổ kiểm tra cấp/cấp lại giấy phép môi trường**

1. Họ và tên người nhận xét: **NGUYỄN THÀNH NHỰT**
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: **KSXD, TP Quy hoạch - KT**
3. Nơi công tác: (Tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, e-mail): **Sở Xây dựng**
4. Quyết định thành lập Đoàn: **Số 40/QĐ-STNMT ngày 04/11/2022 của Sở Tài nguyên & MT**
- 5 Chức danh trong Đoàn kiểm tra/Tổ kiểm tra: **thành viên**
6. Tên dự án đầu tư, cơ sở: **Cảng Hàng không Buôn Ma Thuột**
7. Chủ dự án đầu tư, cơ sở: **Cảng Hàng không Buôn Ma Thuột – Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.**

**I. Nhận xét:**

**1. Hiện trạng các hạng mục dây chuyền sản xuất của dự án đầu tư, cơ sở đã được xây dựng, lắp đặt:**

*Nhận xét về loại hình hoạt động, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất của dự án, cơ sở; các dây chuyền sản xuất chính; hạng mục phụ trợ của dự án, cơ sở; hạng mục kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có):*

Dự án là loại hình công cộng, đầu mối giao thông (GT hàng không) quan trọng của thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk và Vùng Tây nguyên. Các công trình BVMT được nâng cấp cùng với dự án nâng cấp mở rộng cảng HK năm 2015;

Hạng mục BVMT của cơ sở như Báo cáo đề xuất cấp phép MT, phù hợp với kết quả kiểm tra (11/11/2022);

**2. Công trình xử lý nước thải:**

- *Nhận xét về hiện trạng các công trình thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải của dự án/cơ sở.*

- *Nhận xét về số lượng, quy mô, công suất, quy trình công nghệ của từng công trình xử lý nước thải; vị trí xả nước thải ra môi trường tiếp nhận; môi trường tiếp nhận nước thải; tên công trình thủy lợi tiếp nhận nước thải (nếu có) và cơ quan quản lý công trình thủy lợi; những thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư (nếu có) nhưng chưa đến mức thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; những thay đổi so với giấy phép môi trường thành phần, giấy phép môi trường đã được cấp (nếu có)*

**2.1. Công trình thu gom và thoát nước mưa:**

- Hệ thống thu nước mưa khu vực nhà ga được đầu tư đồng bộ dự án và đầu nối hệ thống thoát nước thành phố ra đường Đam-San.

- Thoát nước mưa toàn dự án theo từng lưu vực (như báo cáo).

**2.2. Công trình xử lý nước thải:**

- Hệ thống XLNT được sử dụng riêng cho khu vực dự án (như báo cáo) hoạt

động từ khu vực nhà ga; quy mô công trình và hiện trạng vận hành như báo cáo.

- Công suất xử lý nước thải 40m<sup>3</sup>/ng.đ; Vận hành từ năm 2015; Công nghệ xử lý và công trình như mô tả tr25; Chất lượng nước thải (theo kết quả quan trắc, tr38) đạt QCVN 14:2008/BTNMT Cột B (K=1) phù hợp với Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 73/GP-UBND ngày 13/7/2017;

- Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của đô thị (hiện trạng dọc theo đường Đam San), thủ tục đầu nối được UBND thành phố BMT thỏa thuận (Công văn 1839/UBND-QLĐT ngày 31/8/2016) phù hợp với quy định của UBND tỉnh tại khoản 3 Điều 8 Quyết định 47/2015/QĐ-UBND.

Một số nội dung cần bổ sung:

1. Xác định phạm vi phục vụ của hệ thống XLNT trong khuôn khổ GPMT

2. Xác định quy mô công suất hệ thống. Trong đó, bổ sung thuyết minh tính toán bình xuất lượng nước thải phát sinh (m<sup>3</sup>/ngày) (Theo quy mô dự án nhà ga ≈ 1 triệu khách/năm; công suất thực tế năm 2019: ≈ 1,1 triệu khách/năm; dự báo 2022 ≈ 1,6 triệu khách/năm. Trên cơ sở đó quy đổi BQ khách/ngày.

### **3. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:**

- Nhận xét về hiện trạng hệ thống thu gom bụi, khí thải để xử lý; công trình xả bụi, khí thải ra môi trường không khí;

- Nhận xét về số lượng, quy mô, công suất, quy trình công nghệ của từng công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải; những thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư (nếu có) nhưng chưa đến mức thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; những thay đổi so với giấy phép môi trường thành phần, giấy phép môi trường đã được cấp (nếu có).

Dự án không phát sinh bụi khí thải tập trung nên không có hệ thống, thiết bị xử lý bụi, khí thải. Giải pháp BVMT đối với xử lý bụi, khí thải như đã nêu trên báo cáo. (tr29)

### **4. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Nhận xét về nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính của dự án/cơ sở.

Dự án có đặc thù riêng (hạ tầng hàng không) Như báo cáo (tr32)

### **5. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:**

Nhận xét về hiện trạng xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; những thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động hoặc nội dung giấy phép môi trường đã được cấp (nếu có).

Nhà tập kết chất thải SH đã xây dựng và hoạt động tại vị trí theo dự án (DT 52m<sup>2</sup>). Quy trình thu gom CTR như hình 3.4; phù hợp thực tế kiểm tra (11/11/2022) như hình thực tế (đính kèm)

### **6. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:**

Nhận xét về hiện trạng xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại; những thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc nội dung giấy phép môi trường đã được cấp (nếu có).

Lưu ý: Công trình, thiết bị xử lý chất thải nguy hại nêu tại mục này là công trình, thiết bị để tự xử lý các chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của dự án/cơ sở.

Nhà tập kết chất thải nguy hại cùng hạng mục nhà lưu chứa chất thải SH. Riêng gian lưu chứa chất thải nguy hại 26m<sup>2</sup>. Áp dụng biện pháp lưu chứa phù hợp (có cửa

khóa; biết bị dán nhãn...); phù hợp thực tế kiểm tra (11/11/2022) như hình thực tế (đính kèm)

**7. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có):**

*Nhận xét về hiện trạng xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; những thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc nội dung giấy phép môi trường đã được cấp; biện pháp, quy trình vận hành công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.*

Thông nhất như báo cáo

**8. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):**

*Nhận xét về các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)*

Thông nhất như báo cáo; phù hợp thực tế kiểm tra.

**9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):**

*Nhận xét về kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có) đối với dự án khai thác khoáng sản, dự án có bãi chôn lấp chất thải hoặc dự án gây tổn thất, đa dạng sinh học.*

**10. Các nội dung đề nghị cấp phép môi trường:**

*Nhận xét về các nội dung đề nghị cấp/cấp lại giấy phép môi trường của chủ dự án/cơ sở. Trường hợp có thay đổi nội dung cấp phép (cấp lại) thì nêu rõ nội dung thay đổi*

Nội dung đề nghị cấp phép: (1) Nước thải;

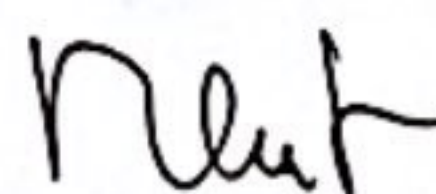
- Công suất đề nghị cấp phép theo quy mô dự án 40m<sup>3</sup>/ng.đ.

- Kế hoạch vận hành thử nghiệm (Chương VI) chưa nêu rõ nội dung chi tiết sự thay đổi (Giữa thời điểm lập B/c - Đề án BVMT được duyệt 2015 – Giấy xác nhận hoàn thành 2015) cần nêu rõ để xác định có cần bước vận hành thử nghiệm không.

**II. Kết luận, kiến nghị:**

Thông qua sau khi chỉnh sửa, bổ sung

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 11 năm 2022  
**NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT**



**Nguyễn Thành Nhựt**